

SỞ Y TẾ TỈNH YÊN BÁI
TTYT HUYỆN VĂN YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /QĐ-TTYT

Văn Yên, ngày 01 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĂN YÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 5863/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng tài chính kế toán Trung tâm y tế huyện Văn Yên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trung tâm y tế huyện Văn Yên.

Số tiền: 25.360.940.000 đồng

(Có Biểu số 2: Dự toán thu – chi ngân sách nhà nước kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. .

Điều 3. Các ông/bà trưởng phòng tài chính kế toán, trưởng các khoa/phòng, trưởng trạm y tế xã căn cứ quyết định này thi hành.

Nơi nhận:

- UBND huyện để báo cáo
- Như điều 3: để thực hiện
- Lưu VT, TCKT.

BM.TCHC.01.9

GIÁM ĐỐC

Cao Ngọc Thắng

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ- TTYT ngày 04/01/2024 của Trung tâm y tế huyện Văn Yên)



Đvt: 1000đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu dịch vụ khám chữa bệnh	65.793.829
1,1	Thu từ dịch vụ KCB Bảo hiểm y tế	58.779.526
	+Bệnh viện+PKĐKKV	53.012.246
	+ Trạm y tế xã	5.767.280
1,2	Thu từ dịch vụ KCB không thuộc phạm vi thanh toán của BHYT	7.014.303
2	Chi từ nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh	65.952.018
2,1	Chi phí trực tiếp	37.620.134
	- Bệnh viện+2PKĐK	33.041.195
	- Trạm y tế xã	4.578.939
2,2	Chi tiền lương biên chế	18.709.148
	- Bệnh viện+2PKĐK	18.709.148
2,3	Chi tiền trực, PTTT theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	4.214.530
	- Bệnh viện+2PKĐK	3.840.000
	- Trạm y tế xã	374.530
2,4	Chi hoạt động khác	4.436.206
	- Bệnh viện+2PKĐK	4.436.206
	- Trạm y tế xã	
2,5	Kinh phí giảm cấp đối với các khoản chi kết cấu trong giá dịch vụ	972.000
	- Trạm y tế xã	972.000,0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	25.360.940
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	25.360.940
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	25.308.630
1,1,1	Kinh phí phòng bệnh	6.110.890

	- Tiền lương biên chế có mặt	4.826.004
	- Tiền lương biên chế thiếu (05B/C)	468.886
	- Chi khác	816.000
1,1,2	Kinh phí Methadone	463.530
	- Tiền lương biên chế có mặt	340.338
	- Tiền lương biên chế thiếu (01B/C)	74.392
	- Chi khác (đã trừ 10% tiết kiệm)	48.800
1,1,3	Kinh phí dân số	743.160
	- Tiền lương biên chế có mặt	612.698
	- Tiền lương biên chế thiếu (01B/C)	67.462
	- Chi khác	63.000
1,1,4	Kinh phí y tế xã	17.991.050
	- Tiền lương biên chế có mặt	17.444.760
	- Tiền lương biên chế thiếu (Một phần KP)	15.290
	- Chi hoạt động trạm	531.000
	+ Xã loại 1 (7x20000)	154.000
	+ Xã loại 2 (17x21.000)	357.000
	+ Xã loại 3 (1x 22.000)	20.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	52.310

Kế toán trưởng

TP.Tài chính kế toán

Giám Đốc


Nguyễn Thu Hằng


Cao Thị Lan Anh



Cao Ngọc Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

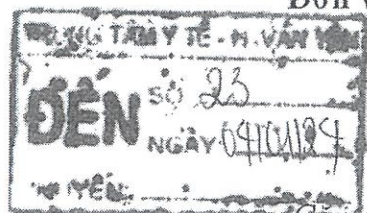
Số: 5863/QĐ-UBND

Văn Yên, ngày 13 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định
số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy
định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Quyết định ngày 10/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái:
Quyết định số 2368/QĐ-UBND về giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương
năm 2024; Quyết định số 2371/QĐ-UBND về ban hành Quy định tổ chức thực
hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân
dân huyện Văn Yên khóa XVIII - Kỳ họp thứ 13 về dự toán thu, chi ngân sách địa
phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân
dân huyện Văn Yên về giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số
215/TTr-TCKH ngày 13/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa
phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 đối với các đơn
vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP
ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho các đơn vị căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp theo Quyết
định số 4343/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND huyện và dự toán chi ngân

sách Nhà nước năm 2024 có trách nhiệm phân bổ dự toán đảm bảo hoạt động của đơn vị, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo đúng quy định hiện hành. Đối với nguồn kinh phí không thường xuyên thực hiện chi theo đúng nội dung và kinh phí giao, trong trường hợp số kinh phí giao lớn hơn nhu cầu kinh phí của đơn vị thì nộp trả ngân sách, không được sử dụng vào mục đích khác.

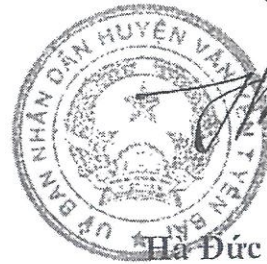
2. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 theo đúng quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *ch*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT. UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Chánh, Phó chánh VP; CVTH;
- Lưu VT, TCKH. *jk*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hà Đức Anh

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 5863/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện)

Đơn vị: Trung tâm y tế huyện

Mã DV QHNS: 1120125

Mã Kho bạc Nhà nước: 2568

Mã địa bàn hành chính: 136

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Dự toán	Trong đó	
							Ngân sách nhà nước cấp	Tự đảm bảo
I	Biên chế được giao			338	270			
	+ Trung tâm			194	142			
	- Dân số			5	4			
	- Dự phòng			39	34			
	+ Biên chế			38	33			
	+ Hợp đồng 161			1	1			
	- Bệnh viện+PKĐK KV			150	104			
	+ Y tế xã			140	125			
	+ Methadone			4	3			
II	Dự toán thu 2024					65.793.828	-	65.793.828
1	Thu từ DVKCB BHYT					58.779.526		58.779.526
	+ Bệnh viện+PKĐKKV					53.012.246		53.012.246
	+ Trạm y tế xã					5.767.280		5.767.280
2	Thu từ DV Không thuộc phạm vi BHYT TT					7.014.303		7.014.303
III	Dự toán chi					91.154.769	25.360.940	65.793.829
A	Chi từ NSNN cấp					25.360.940	25.360.940	
1	Kinh phí phòng bệnh	131	13			6.110.890	6.110.889,9	
	+ Tiền lương biên chế có mặt					4.826.004	4.826.004	
	+ Tiền lương biên chế thiếu (05BC)					468.886	468.886	
	+ Chi khác (20,4 triệu đồng/biên chế)					816.000	816.000	
2	KP Methadone	139	13			463.530	463.530	
	+ Tiền lương					340.338	340.338	
	+ Tiền lương biên chế thiếu (1BC)					74.392	74.392	
	+ Chi khác					48.800	48.800	
3	KP chữa bệnh	132	13			19.660.614	17.991.050	1.669.564
	Y tế xã					19.660.614	17.991.050	1.669.564
	+ Tiền lương biên chế có mặt					17.444.760	17.444.760	
	+ Tiền lương biên chế thiếu (15BC)					1.684.854	15.290	1.669.564
	+ Chi hoạt động					531.000	531.000	
	- Xã loại 1 (7 xã)					154.000	154.000	
	- Xã loại 2 (17 xã)					357.000	357.000	
	- Xã loại 3 (1 Xã)					20.000	20.000	
4	Dân số	151	13			743.160	743.160	
	+ Tiền lương biên chế có mặt					612.698	612.698	
	+ Tiền lương biên chế thiếu (46BC)					67.462	67.462	
	+ Chi khác					63.000	63.000	
5	KP chi chung sự nghiệp y tế	139	12			52.310	52.310	
B	Chi từ nguồn thu giá dịch vụ KCB					65.793.829	-	65.793.829
1	Chi phí trực tiếp					37.620.134	-	37.620.134
	+ Bệnh viện+2PKĐK					33.041.195		33.041.195
	+ Trạm y tế xã					4.578.939		4.578.939
2	Chi tiền PC trực, PTTT theo QĐ73					4.214.530	-	4.214.530
	+ Bệnh viện+2PKĐK					3.840.000		3.840.000
	+ Trạm y tế xã					374.530		374.530
3	Hoạt động chữa bệnh					22.289.601	-	22.289.601
3.1	Bệnh viện+2PKĐK	131	13			23.145.354	-	23.145.354
	Tiền lương					18.709.148		18.709.148
	+ Tiền lương biên chế có mặt					14.609.665		14.609.665
	+ Tiền lương biên chế thiếu (02BC)					4.099.483		4.099.483

STT	Nội dung	Mã ngành	Mã nguồn NSNN	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Dự toán	Trong đó	
							Ngân sách nhà nước cấp	Tự đảm bảo
3.2	Chi hoạt động khác	132	13			4.436.206		4.436.206
	Trạm y tế xã					(855.753)	-	(855.753)
	+ Chi hoạt động					(855.753)		(855.753)
	+ Đã giảm cấp đối với các khoản chi kết cấu trong giá dịch vụ					1.669.564		1.669.564